

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **190/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 26-7-2024.
V/v tranh chấp: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Nguyễn Thị Nhàn**.
- Ông **Trần Văn Nghiệm**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Trần Việt Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2024 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: **Trương Thị Diễm H**, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh S.

*Bị đơn: **Nguyễn Đình C**, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trương Thị Diễm H** trình bày:

Tôi và anh **Nguyễn Đình C** sống chung với nhau vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, tình cảm ngày càng rạn nứt không thể hàn gắn lại được với nhau tôi và

anh Cản đã sống ly thân với nhau từ lâu, tình cảm không còn nên nay tôi yêu cầu tuyên bố mối quan hệ giữa tôi và anh Nguyễn Đình C không phải vợ chồng.

Về con chung: có 02 con chung tên:

+ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 19/5/2015.

+ Nguyễn Đình T, sinh ngày 15/01/2012.

Hiện nay 02 con chung đang sống chung với tôi, khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Đình C vắng mặt, anh C đã được tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Cản không đến, cũng không có ý kiến trình bày.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công T có ý kiến phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: không công nhận chị H và anh C là vợ chồng. Về con chung: Giao 02 con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị H yêu cầu tòa án không công nhận mối quan hệ giữa chị H và anh C là vợ chồng nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị H có đơn xin vắng mặt xét xử, bị đơn anh C đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành vắng mặt chị H, anh C.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu không công nhận chị H và anh C là vợ chồng của chị Trương Thị Diễm H, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

Chị Trương Thị Diễm H và anh Nguyễn Đình C sống chung với nhau vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa chị H, anh C từ năm 2010 cho đến nay mà chị H, anh C cũng không đăng ký kết hôn nên mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H, tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh C là phù hợp với khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 19/5/2015 và Nguyễn Đình T, sinh ngày 15/01/2012. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Hiện nay cả 02 con chung đang sống chung với chị H, đồng thời cả 02 con chung cũng có nguyện vọng mong muốn được sống chung với chị H nên Hội đồng xét xử cần giao cả 02 con chung cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cả 02 con chung tròn 18 tuổi, lao động được là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

[6]. Về tài sản chung: Chị H khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7]. Về nợ chung: Chị H khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[8]. Về án phí HNGĐST: Do chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị Hương phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[9]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Diễm H.

Tuyên bố chị Trương Thị Diễm H và anh Nguyễn Đình C không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cả 02 con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 19/5/2015 và Nguyễn Đình T, sinh ngày 15/01/2012 cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cả 02 con chung tròn 18 tuổi, lao động được.

Anh Nguyễn Đình C không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Người không trực tiếp nuôi 02 con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục 02 con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị H khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Về án phí HNGĐST: Chị Trương Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0009387 ngày 17/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T nên xem như chị H đã nộp xong.

*Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thanh Trinh